

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 06/10/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	27202141778	Đặng Thị Vân	Anh	28/12/2002	Đà Nẵng	30TBN15	4.7	6.0	Không Đạt	
2	27202242866	Lê Thị Lan	Anh	04/08/2003	Quảng Bình	30SYC2	5.0	4.1	Không Đạt	
3	27215421566	Lê Nguyễn Tấn	Đạt	07/02/2003	Ninh Thuận	31SYC4	9.3	9.0	Đạt	
4	27205351179	Trịnh Thị Thanh	Diễn	25/10/2003	Quảng Ngãi	31SHT5	H	H	Không Đạt	
5	27215351181	Hoàng Đình	Dũng	12/10/2003	Nghệ An	31CHT4	V	V	Không Đạt	
6	27215351182	Vương Hoàng	Dũng	06/11/2003	Quảng Ninh	31THT9	8.0	7.5	Đạt	
7	27215302066	Nguyễn Cảnh	Duy	22/07/2003	Nghệ An	31TYC8	3.7	7.3	Không Đạt	
8	28214300689	Phan	Duy	20/11/2004	Đắk Lắk	31THT7	3.7	3.3	Không Đạt	
9	29205123416	Lê Thị Mỹ	Duyên	15/06/2005	Quảng Ngãi	31CHT4	6.3	3.4	Không Đạt	
10	26205442073	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	28/05/2002	Đắk Lắk	31TYC7	7.7	5.3	Đạt	
11	28207149493	Phạm Thị Mỹ	Duyên	13/04/2004	Gia Lai	31THT7	5.0	1.6	Không Đạt	
12	25207101778	Trịnh Thị Mỹ	Duyên	24/10/2001	Bình Định	28THT11	7.0	6.5	Đạt	
13	28204954083	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	21/01/2004	Đắk Lắk	31TYC7	7.3	5.0	Đạt	
14	27205326889	Thái Thị Minh	Hải	01/12/2003	Quảng Trị	31TSC8	6.3	5.0	Đạt	
15	28204504150	Lê Nguyễn Bảo	Hân	01/05/2004	Quảng Nam	31SYC4	8.3	5.5	Đạt	
16	27205342598	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	04/05/2003	Quảng Ngãi	31SYC4	9.0	9.8	Đạt	
17	30204456250	Lê Thị Thu	Hằng	05/07/2006	Gia Lai	31SYC4	7.0	5.3	Đạt	
18	28204854214	Đỗ Hồng	Hạnh	27/04/2004	Quảng Trị	31TYC7	8.3	7.0	Đạt	
19	27215351417	Bùi Đức	Hào	17/11/2003	Đồng Nai	31SSC4	9.3	8.6	Đạt	
20	27215343699	Nguyễn Quý	Hào	05/12/2003	Bình Định	31TBN8	5.3	5.8	Đạt	
21	28204603822	Đỗ Thị Thu	Hậu	01/05/2004	Đắk Lắk	30THT15	5.3	5.5	Đạt	
22	27215344607	Hồ Thị Thảo	Hiền	11/10/2003	Gia Lai	31SYC4	9.3	6.0	Đạt	
23	29206739155	Phạm Thị Thu	Hiền	16/03/2005	Quảng Nam	31TYC7	8.7	4.0	Không Đạt	
24	27215351496	Trần Thông	Hiệp	02/02/2003	Khánh Hòa	31TSC8	8.0	5.5	Đạt	
25	29217145723	Nguyễn Trung	Hiếu	13/09/2005	Phú Yên	31CHT4	6.3	6.8	Đạt	
26	27215351498	Trần Anh	Hiếu	10/10/2003	Bắc Giang	31CYC4	V	V	Không Đạt	
27	27205302625	Cù Vĩnh	Hoa	31/03/2003	Đà Nẵng	31SHT4	7.7	8.0	Đạt	
28	27215336568	Phan Xuân	Hoa	11/06/2003	Đồng Nai	31CYC3	8.3	6.0	Đạt	
29	27215302867	Nguyễn Việt	Hung	25/12/2003	Sơn La	31CHT4	V	V	Không Đạt	
30	29207339654	Hồ Thị Lan	Hương	27/08/2005	Đà Nẵng	31CHT4	7.7	5.0	Đạt	
31	27215338038	Bùi Thanh Gia	Huy	26/08/2003	Quảng Nam	31SYC4	8.7	5.5	Đạt	
32	27218736189	Nguyễn Hoàng	Huy	08/05/2003	Kon Tum	31TBN1	8.3	6.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	27205351705	Chế Thị Bích	Huyền	07/11/2003	Quảng Ngãi	31SHT4	9.7	7.3	Đạt	
34	29206700064	Nguyễn Thị Thương	Huyền	18/01/2005	Quảng Trị	31TYC7	9.7	7.5	Đạt	
35	27205434809	Nguyễn Mai	Khanh	30/09/2003	Gia Lai	31CYC4	7.0	5.1	Đạt	
36	27205427392	Võ Ngọc Châu	Khanh	03/08/2003	Quảng Bình	31CHT4	V	V	Không Đạt	
37	29214359374	Mai Văn	Kiệt	06/08/2005	Quảng Nam	31SYC4	9.0	6.8	Đạt	
38	28214300904	Trương Hiếu	Kỳ	27/08/2004	Quảng Ngãi	31TYC7	5.3	4.0	Không Đạt	
39	27205330212	Đặng Tuyết	Lâm	31/10/2003	Phú Yên	31SYC4	8.3	6.0	Đạt	
40	28206503063	Nguyễn Thị	Li	20/03/2004	Quảng Nam	31TYC7	9.7	6.3	Đạt	
41	28206201614	Nguyễn Châu	Linh	15/05/2004	Quảng Ngãi	31TYC6	5.0	5.3	Đạt	
42	29205155663	Phạm Nguyễn Khánh	Linh	05/06/2005	Đà Nẵng	31CHT4	9.0	5.3	Đạt	
43	27205326828	Trương Khánh	Linh	25/12/2003	Đà Nẵng	31SYC4	9.3	8.0	Đạt	
44	28204646622	Phạm Thị Mai	Loan	30/08/2004	Đà Nẵng	31SYC4	3.7	2.8	Không Đạt	
45	27215245578	Nguyễn Thị Phương	Ly	13/10/2003	Đà Nẵng	31SHT5	H	H	Không Đạt	
46	27203145656	Phan Thị Khánh	Ly	04/02/2003	Quảng Trị	30CHT4	5.0	3.5	Không Đạt	
47	28206227190	Mai Thị Kim	Lý	26/01/2004	Đà Nẵng	31THT7	6.0	4.3	Không Đạt	
48	27205300036	Phan Thị Tuyết	Mai	26/12/2003	Đà Nẵng	31SYC3	7.0	9.5	Đạt	
49	27215302871	Nguyễn Tuấn	Minh	10/08/2003	Hà Tĩnh	31CYC5	V	V	Không Đạt	
50	25205316490	Trần Thị Nguyệt	Minh	07/07/2000	Hà Nội	31SSC4	7.7	7.0	Đạt	
51	27215401828	Lê Huyền	My	04/10/2003	Quảng Bình	31CHT4	7.3	5.5	Đạt	
52	27203124773	Trần Bùi Trà	My	17/01/2003	Quảng Ngãi	29CBN4	7.3	4.0	Không Đạt	
53	27213701424	Nguyễn Phan Thu	Ngân	20/07/2003	Bình Định	30CBN10	4.7	5.5	Không Đạt	
54	27205336615	Nguyễn Thị	Ngân	20/01/2003	Nghệ An	31CYC3	9.3	6.0	Đạt	
55	27205352127	Lê Nguyễn Đông	Nghi	21/05/2003	Bảo Lộc	31CYC5	9.0	9.5	Đạt	
56	27215353430	Lê Thành	Nha	08/12/2003	Đà Nẵng	31SYC4	8.0	6.4	Đạt	
57	28204950493	Đặng Thảo	Nhi	01/04/2003	Quảng Nam	31TYC7	V	V	Không Đạt	
58	29206751121	Ngô Nguyễn Yến	Nhi	02/02/2005	Quảng Ngãi	31TYC7	8.3	5.0	Đạt	
59	27205439267	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	24/10/2003	Kiên Giang	31CHT4	6.7	6.3	Đạt	
60	28204706187	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	07/12/2004	Đắk Lắk	31TYC7	6.0	5.8	Đạt	
61	28209402321	Trần Vũ Hoài	Nhi	30/09/2004	Quảng Nam	31TYC7	9.3	9.3	Đạt	
62	27215335056	Võ Trần Thục	Nhi	27/02/2003	Đà Nẵng	31SYC4	9.3	7.3	Đạt	
63	27205140354	Trần Nữ Quỳnh	Như	07/06/2003	Phú Yên	31TYC7	4.3	5.3	Không Đạt	
64	29207351369	Dương Thị Tuyết	Nhung	11/01/2005	Đà Nẵng	31CHT4	5.0	7.0	Đạt	
65	26205439489	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/10/2002	Thừa Thiên H	30TYC6	6.7	5.0	Đạt	
66	29206757768	Phan Thị Hoàng	Oanh	19/05/2005	Quảng Nam	31TYC7	9.0	9.0	Đạt	
67	27205300567	Võ Hoàng	Oanh	26/01/2003	Bình Phước	31SYC4	8.7	8.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	27213153185	Nguyễn Đình	Phi	11/09/2003	Đà Nẵng	31SYC4	6.7	7.3	Đạt	
69	27215352269	Hoàng Hữu	Phúc	01/01/2003	Khánh Hòa	31SYC4	10.0	9.5	Đạt	
70	29215141835	Trương Nguyễn Hoàng	Phúc	14/03/2005	Quảng Nam	31CHT4	V	V	Không Đạt	
71	27205342186	Mai Lâm	Phuong	14/08/2003	Quảng Bình	31SYC4	8.7	5.3	Đạt	
72	27216100883	Phạm Đoàn Anh	Quân	26/08/2003	Đà Nẵng	31CHT4	3.7	5.0	Không Đạt	
73	27215402118	Phạm Đăng	Quang	16/09/2003	Bình Thuận	31SYC4	10.0	8.8	Đạt	
74	27205342916	Võ Lê Thùy	Quyên	21/11/2003	Thừa Thiên H	31THT10	9.0	9.3	Đạt	
75	28204601522	Nguyễn Võ Như	Quỳnh	24/11/2004	Quảng Ngãi	30THT15	5.0	2.8	Không Đạt	
76	28204640133	Phạm Thị Như	Quỳnh	04/08/2004	Nghệ An	31TYC7	3.0	6.5	Không Đạt	
77	28214302800	Hoàng Lê	Son	23/02/2004	Quảng Trị	31TYC7	6.0	5.0	Đạt	
78	27215330758	Lê Văn Cao	Tài	07/04/2003	Đà Nẵng	31CHT4	V	V	Không Đạt	
79	27215445597	Nguyễn Đình	Tài	21/07/2003	Quảng Nam	31CHT4	7.0	6.8	Đạt	
80	27202223776	Nguyễn Thị Thành	Tân	21/05/2003	Quảng Ngãi	30TYC3	3.7	4.3	Không Đạt	
81	30208158114	Phan Lê Cẩm	Thạch	27/05/2006	Phú Yên	31TYC7	5.7	5.8	Đạt	
82	28213600690	Nguyễn Việt	Thành	18/08/2004	Bình Định	31TYC7	V	V	Không Đạt	
83	27205331768	Nguyễn Thị Phương	Thảo	16/02/2003	Nghệ An	31SSC4	7.3	5.3	Đạt	
84	27215352341	Võ Ngọc	Thiện	17/11/2003	Khánh Hòa	31TBN8	7.0	3.3	Không Đạt	
85	27212201494	Lê Phạm Xuân	Thông	23/03/2003	Thừa Thiên H	30TSC10	5.3	V	Không Đạt	
86	28214353179	Hoàng Minh	Tiến	31/03/2004	Quảng Trị	31TYC7	9.0	9.0	Đạt	
87	27215352590	Lê Đức	Tiến	04/09/2003	Gia Lai	31TYC8	5.7	5.1	Đạt	
88	28206503528	Bùi Thị Thu	Trà	15/08/2004	Hà Tĩnh	31SYC4	9.0	9.3	Đạt	
89	29206741435	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	26/08/2005	Đà Nẵng	31TYC7	7.7	5.9	Đạt	
90	27205352606	Phan Thị Ngọc	Trâm	21/04/2003	Khánh Hòa	31SBN5	10.0	8.0	Đạt	
91	27215431654	Lê Nguyễn Quỳnh	Trân	14/05/2003	Quảng Nam	31SHT4	9.3	8.0	Đạt	
92	27215331348	Nguyễn Hữu	Tri	12/10/2003	Bình Định	31SBN5	8.3	8.0	Đạt	
93	27205352616	Nguyễn Lan	Trình	09/10/2003	Đắk Lắk	31CBN5	V	V	Không Đạt	
94	27215338122	Phạm Văn	Trình	06/09/2003	Khánh Hòa	31SYC4	9.0	9.5	Đạt	
95	27215345206	Hồ Thanh	Trúc	15/09/2003	Bình Định	31SBN4	V	V	Không Đạt	
96	27215436857	Cao Trương Bảo	Trung	10/03/2003	Bình Định	31CYC3	5.0	7.0	Đạt	
97	27217733435	Lê Bùi Anh	Tuấn	16/09/2003	Quảng Ngãi	31SYC4	8.7	5.8	Đạt	
98	27215332064	Nguyễn Quang	Tùng	16/04/2003	Quảng Nam	31CHT4	V	V	Không Đạt	
99	29206761095	Cao Hải	Uyên	25/01/2005	Đà Nẵng	31TYC7	8.3	8.5	Đạt	
100	29206765754	Phạm Nguyễn Phương	Uyên	31/03/2005	Đà Nẵng	31TYC7	8.3	9.5	Đạt	
101	29206757900	Trần Khánh	Uyên	09/10/2005	Quảng Nam	31TYC7	9.3	6.5	Đạt	
102	27205449765	Võ Huỳnh Thảo	Uyên	08/07/2003	Đà Nẵng	31SYC4	8.3	6.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	29208120475	Lê Thị Thúy	Vân	11/08/2005	Quảng Nam	31TYC7	8.7	7.8	Đạt	
104	29206563297	Nguyễn Thị Thảo	Vi	07/05/2005	Quảng Nam	31SYC2	7.0	2.5	Không Đạt	
105	28204854947	Nguyễn Thị Tường	Vi	19/06/2004	Quảng Nam	31TYC7	10.0	4.3	Không Đạt	
106	27215335333	Lê Quang	Vũ	01/10/2003	Quảng Nam	31SYC4	9.0	9.3	Đạt	
107	27215330980	Nguyễn Thanh	Vũ	05/12/2003	Đà Nẵng	31SYC4	9.3	8.3	Đạt	
108	27202100811	Phan Ngọc Tường	Vy	08/05/2003	Quảng Ngãi	30SSC1	6.0	V	Không Đạt	
109	29206759422	Huỳnh Thị Ý	Ý	26/09/2005	Đà Nẵng	31TYC7	8.0	8.5	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh